TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1502/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Quí.

2. Ông Phạm Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 396/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2024, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 542/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 393/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1977; địa chỉ: 40/3 ấp T, xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1976; địa chỉ: 40/3 ấp T, xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn G tự nguyện chung sống với nhau năm 2002, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 237 quyển số 3/2002 ngày 03/12/2002. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do suy nghĩ, lối sống quá khác biệt nhưng con cái còn nhỏ nên bà phải chịu đựng. Nay các con đã khôn lớn, bà không chịu đựng thêm nữa nên cương quyết xin ly hôn với ông G. Bà và ông G có 03 con chung là Nguyễn Hoài T sinh ngày 06/7/2003, Nguyễn Thị Kim A sinh ngày 10/3/2005, Nguyễn Hoài L sinh ngày 29/6/2006. Các con chung đều đã đủ 18 tuổi nên muốn ở với ai cũng được. Vợ chồng bà không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, không có yêu cầu gì về 03 con chung do đã đủ 18 tuổi, xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu gải quyết tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng; đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông G là hợp pháp; bà D khởi kiện cương quyết yêu cầu ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông G không có ý kiến phản hồi, không ai có thiện chí hòa giải đoàn tụ, 03 con chung đều đã đủ 18 tuổi, bà D xác định vợ chồng không có nợ chung, không tranh chấp tài sản chung. Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, các đương sự cư trú tại Hóc Môn nên đây là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn, theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà D và ông G chung sống tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 237 quyển số 3/2002 ngày 03/12/2002 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu ly hôn: Bà D cương quyết xin ly hôn do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng. Ông G đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi. Đại diện Ban nhân dân ấp T, xã T, huyện Hóc Môn xác định địa phương không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông G do không được trình báo. Tại bản tự khai ngày 03/5/2024, 02 con chung là Nguyễn Hoài T, Nguyễn Hoài L xác nhận cha mẹ có nhiều mâu thuẫn, mong Tòa án sớm giải quyết để tránh mất thời gian.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đã được động viên đoàn tụ vợ chồng, vợ chồng hóa giải mâu thuẫn để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm lo cho con cái nhưng bà D cương quyết xin được ly hôn.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông G là có thật, đã kéo dài nhưng không ai có thiện chí hòa giải đoàn tụ, khiến cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ chấp nhận, quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.2] Về con chung, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ lời khai của bà D kèm bản sao các Giấy khai sinh số 310, 157, 342 ngày 12/8/2006, 11/8/2006, 02/8/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh, có căn cứ xác định vợ chồng bà D và ông G có 03 con chung là Nguyễn Hoài T sinh ngày 06/7/2003, Nguyễn Thị Kim A sinh ngày 10/3/2005, Nguyễn Hoài L sinh ngày 29/6/2006. Các con chung đều đã đủ 18 tuổi, không ai có yêu cầu gì liên quan nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà D trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

[6] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định:*"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ".* Ông G không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên phải tự chịu trách nhiệm.

[7] Phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn về việc giải quyết vụ án là cùng quan điểm với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

- Về con chung: có 03 con chung là Nguyễn Hoài T sinh ngày 06/7/2003, Nguyễn Thị Kim A sinh ngày 10/3/2005, Nguyễn Hoài L sinh ngày 29/6/2006. Cả 03 con chung đều đã đủ 18 tuổi.

- Về nợ chung: Ghi nhận bà Nguyễn Thị D trình bày không có.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0024497 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Huy

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã T, huyện Hóc Môn, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.